TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/DS-PT
Ngày: 21-02- 2020
V/v Tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Vân.
Các thẩm phán:

Bà Trương Thị Tuyền;

Bà Nguyễn Thị Thúy Phượng

- Thư ký phiên tòa: Huỳnh Thị Mến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TN tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh TN xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 445/2019/TLPT- DS ngày 27 tháng 12 năm 2019 về "Tranh chấp về hợp đồng mua bán".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2019/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Huyện Dương M C, tỉnh TN bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXX-PT ngày 31 tháng 12 năm 2019; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Thanh M, sinh năm: 1967; Nơi cư trú: Tổ 5, ấp KH, xã CK, huyện Dương M C, tỉnh TN; có mặt.

2. Bị đơn: Bà Võ Thu L (tự Út L), sinh năm: 1976; Nơi cư trú: Tổ 19, ấp CK, xã CK, huyện Dương M C, tỉnh TN; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan:

Chị Trần Thị Diễm M, sinh năm: 1997; Nơi cư trú: Tổ 5, ấp KH, xã CK, huyện Dương M C, tỉnh TN, vắng mặt; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ KIỆN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 10 năm 2019, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Thanh M trình bày:

Ngày 13-9-2017, ông M đến tiệm cầm đồ Út L của bà L để xem chiếc xe mô tô biển số 70L1-30303. Bà L bán xe với giá 31.000.000 đồng cao quá nên

ông về không mua. Ngày hôm sau con gái ông tên là M thích chiếc xe để có đi làm nên ông đồng ý giao cho chị M số tiền 31.000.000 đồng. Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 14-9-2017, chị M và chị Mai là con dâu ông chở nhau xuống nhà bà L để lấy xe về. Sau đó, ông xuống thì chị M, chị Mai đã về rồi nên ông cũng về luôn. Chị M nói lại khi đến mua xe thì bà L có gọi người thanh niên đến đưa giấy tờ cầm đồ và có 02 người thanh niên đến đưa giấy cho bà L. Sau này ông hỏi ra mới biết đó là anh Bảo và anh Việt. Anh Bảo hiện nay ông không biết ở đâu. Còn anh Việt thì có lên tòa làm chứng cho ông. Ông xác định chiếc xe mô tô biển số 70L1-30303 là ông mua của bà L, chị M xuống lấy xe về cho ông. Khi mua bán giữa ông và bà L không có giấy tờ. Ông về sử dụng được hơn 01 năm bán lại cho chị Phượng với giá 21.000.000 đồng. Sau đó chị Phượng bán lại cho anh C. Anh C bán lại cho người khác. Khi người đó đi làm giấy tờ mới phát hiện xe giả, giấy tờ giả. Khoảng cuối năm 2018, Công an đến nhà ông xác M và mời ông lên làm việc. Tại Công an ông cũng khai mua xe của bà L. Sau đó Tòa án có mời ông nhiều lần ông cũng khai vậy. Ông không nhớ Công an nào mời làm việc. Mới đây nhất chị Phượng kiện ông đòi trả lại số tiền 20.700.000 đồng, ông cũng đồng ý. Ông khởi kiện yêu cầu bà L trả ông 31.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, ông M thay đổi yêu cầu bà L trả lại ông số tiền mua xe là 21.000.000 đồng để ông có tiền trả cho chị Phượng, không yêu cầu tính lãi.

- Theo bản tự khai, quá trình tố tụng bị đơn bà Võ Thu L (tự Út L) trình bày:

Bà không đồng ý theo yêu CK kiện của ông M. Bà không bán chiếc xe mô tô biển số 70L1-30303 cho ông M. Thời gian bà không nhớ chính xác nhưng có một lần Công an tại thành phố TN có mời bà lên làm việc về chiếc xe hon da. Tại Công an bà cũng khai không bán chiếc xe đó cho ông M. Thời gian gần đây ông M có đến nhà bà đòi bà trả tiền chiếc xe. Bà cũng trả lời ông M bà không bán xe tại sao ông lại yêu cầu trả tiền. Sau đó ông M không nói gì và đi về. Bà L xác định bà không quen biết ông M. Bà không bán xe cho ông M. Bà không giao xe cho con gái ông M. Bà kinh doanh tiệm cầm đồ nên khi người đến thế xe phải chính chủ. Nếu có bán xe thì chủ xe phải ra ký tên trực tiếp. Bà không khi nào tự ý bán xe của người khác cả. Nếu bán xe thì phải có giấy tờ bán xe. Bà xác định bà không biết anh Việt, anh Bảo, chị M và chị Mai. Bà xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

- Theo bản tự khai, quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan chị Trần Thị Diễm M trình bày:

Chị là con gái ruột của ông M. Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 14-7-2017, chị và chị dâu tên là Mai có ghé tiệm cầm đồ Út L lấy chiếc xe mà ông M mua của bà L về. Khi đến nơi chị vào tiệm cầm đồ còn chị Mai đứng ở ngoài. Chị trả tiền cho bà L và nhận xe. Do chị sơ suất không yêu cầu bà L viết giấy tờ mua bán xe. Sau khi chị đến bà L gọi điện thì có 02 người thanh niên đến giao giấy tờ cho bà L. Một người thanh niên chị không biết tên về trước, người còn lại tên

Việt xin chị quá giang xe để về nhà. Chị xác định chiếc xe là của ông M mua của bà L, không phải của chị. Trong vụ kiện này chị không có tranh chấp gì cả.

Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2019/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Huyện Dương M C, tỉnh TN đã tuyên xử:

Căn cứ vào các Điều 430 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu CK kiện của ông Trần Thanh M đối với bà Võ Thu L (tự Út L) trả số tiền mua xe là 21.000.000 (hai mươi mốt triệu) đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 06/12/2019, ông Trần Thanh M có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm; yêu cầu bà L trả lại số tiền 31.000.000 đồng.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TN tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng những quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Thanh M.

Căn cứ Khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 46/2019/DS- ST ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Dương M C, tỉnh TN.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung: Ông M khởi kiện cho rằng ngày 14-9-2017, ông có ghé tiệm cầm đồ Út L do bà L làm chủ mua chiếc xe mô tô biển số 70L1-30303 với giá 31.000.000 đồng; sau đó ông giao tiền cho chị M (con gái) đến lấy xe về. Khi mua xe ông và bà L không làm giấy tờ mua bán. Chị M giao tiền, bà L giao xe và giấy tờ xe. Bà L xác định không biết ông M và không bán xe cho ông M nên không đồng ý theo yêu CK kiện của ông M.

[2] Xét kháng cáo của ông M thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị M xác định chiếc xe mô tô biển số 70L1-30303 là do ông M mua không phải của chị. Chị đến tiệm cầm đồ Út L trả tiền và lấy xe về dùm cho ông M. Khi ông M mua xe, chị đến lấy xe do chị sơ suất không yêu cầu bà L viết giấy bán xe. Chị Mai, anh Việt là những người làm chứng cho ông M nhưng mâu

thuẫn trong lời khai. Ông M kháng cáo cho rằng đã mua chiếc xe mô tô biển số 70L1-30303 từ bà L số tiền 31.000.000 đồng. Bà L không thừa nhận bán xe cho ông M. Ông M không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng M cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận đơn yêu CK kiện của ông M yêu cầu bà L trả cho ông 21.000.000 đồng là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông M. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 46/2019/DS- ST ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Dương M C, tỉnh TN.

[3] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 2 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; thì người kháng cáo phải chịu tiền án phí phúc thẩm nên ông Trần Thanh M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Thanh M.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 46/2019/DS- ST ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Dương M C, tỉnh TN.

Căn cứ vào các Điều 430 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu CK kiện của ông Trần Thanh M đối với bà Võ Thu L (tự Út L) trả số tiền mua xe là 21.000.000 đồng (hai mươi mốt triệu đồng).

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Thanh M phải chịu 1.050.000 đồng (một triệu không trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí ông M đã nộp 775.000 đồng (bảy trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0003810 ngày 15-10-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Dương M C, tỉnh TN. Ông M còn phải chịu 275.000 đồng (hai trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2 Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Trần Thanh M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông M đã nộp theo biên lai 0003948 ngày 06/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương M C, tỉnh TN, ghi nhận đã nộp xong.

3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Hồng Vân

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- VKS tỉnh TN;

- Chi cục THADS h.DMC;
- TAND h. DMC;
- Các đương sự;
- LưuTDS;
-Lưu hồ sơ, tập án.

Phạm Thị Hồng Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**